TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - H	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **458**/2026/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 08 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - H

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 02/2024 ngày 01/4/2024 của UBND thị xã A, tỉnh G.Sau khi nghiên cứu hồ sơ hôn nhân gia đình thụ lý số 412/HNGĐST ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Những người yêu cầu:

Anh Lee W, sinh năm 1981 – Quốc tịch: HQ

Hộ chiếu số: M64505365 do Bộ N2cấp ngày 24/04/2018.

ĐKHKTT: 8, Yongdam 3-gil, Sanbuk-myeon, Y Gdo

Chị Bùi Thị N sinh năm 1994

CCCD số: 038194001235 cấp ngày 11/04/2019

ĐKHKTT: Xã I, tỉnh G

Cùng chỗ ở hiện tại: Phòng 2103CT2 M, phường T, thành phố H

Người phiên dịch cho anh Lee W là: Chị Nguyễn Thị Hồng N1– sinh năm 1999; CCCD số: 001199006219 cấp ngày 25/4/2023- Cử nhân ngành Ngôn ngữ HQ, Trường Đại học H cấp ngày 26 tháng 7 năm 2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lee W và chị Bùi Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/04/2024 tại UBND thị xã A tỉnh G nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do anh Lee W muốn về HQ sinh sống nhưng chị N không đồng ý, nên anh chị không khắc phục được mâu thuẫn, không chia sẻ được với nhau những khó khăn trong công việc và cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được do không có con. Anh chị xác định tình cảm vợ chồng không

còn, vợ chồng đã ly thân từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay nên cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

2. Về con chung: Anh Lee W và chị N không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung: Anh Lee W và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.4. Về lệ phí: Chị N tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận nuôi con, tài sản khi ly hôn ngày 30/3/2026 của Tòa án, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lee W và chị Bùi Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lee W và chị N không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung: Anh Lee Wvà chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị N tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn, được trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007422 ngày 30/3/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - H xác nhận chị Nđã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND khu vực 4 – H;
- THADS TP H;
- UBND phường nơi ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị H